TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2023
"V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Vũ Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị May** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà **Ngô Thị Quế** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2023 về việc "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1993.

HKTT: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1989.

HKTT: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1963.

HKTT: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Chị H, anh C, bà P đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn-chị Vũ Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/11/2011 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình chồng tại Thôn N, xã B. Quá trình chung sống vợ chồng vui vẻ hòa thuận được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không chăm lo, thiếu trách nhiệm với gia đình; không chịu lao động

để phát triển kinh tế mà thường tụ tập bạn bè chơi bời, thậm chí bỏ nhà đi chơi trong khi chị đang phải nuôi con nhỏ. Chị không nhận được tình cảm, sự quan tâm chia sẻ từ chồng nên cuộc sống của chị rất khó khăn áp lực. Do không có chỗ dựa nên khi sinh con được 3 tháng chị đã cho con về nhà ngoại tại thôn Quàn, xã B ở nhưng sau đó anh C và gia đình đến xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên chị quay lại chung sống cùng anh C, tuy nhiên sau khi chị về anh C vẫn không thay đổi. Mặt khác chị còn phát hiện anh C sa vào tệ nạn xã hội và đã có những hành vi mà theo chị là vi phạm pháp luật. Chị và gia đình đã nhiều lần góp ý nhưng anh C không tiếp thu mà còn chửi đánh chị. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm lạnh nhạt nên chị đã cho con về gia đình bố mẹ đẻ tại xã N, huyện T ở từ giữa năm 2013 đến nay không quay lại chung sống cùng anh C nữa, anh C cũng không tìm chị về đoàn tụ. Vợ chồng chị đã ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, qua bạn bè chị chỉ biết anh C đang đi làm tại Hải Phòng, nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về quan hệ con chung: Chị và anh C có một con chung Nguyễn Cường A, sinh ngày 16/12/2012 hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị P – mẹ anh C trình bày:

Năm 2011, anh C, chị H kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng anh C, chị H sinh sống cùng gia đình bà tại Thôn N, xã B. Gia đình tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận, tuy nhiên không tránh khỏi mâu thuẫn. Chị H đã nhiều lần bỏ về gia đình nhà đẻ, sau đó lại đoàn tụ. Đến giữa năm 2013, do mâu thuẫn vợ chồng chị H đã cho con về quê tại xã N, huyện T ở không quay lại chung sống cùng anh C nữa, anh C cũng không tìm chị H, anh chị sống ly thân từ năm 2013 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị H xin ly hôn anh C, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà chỉ biết anh C đi làm tại Hải Phòng còn làm ở đâu, địa chỉ cụ thể thế nào bà không biết. Thỉnh thoảng anh C có liên lạc về gia đình. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án về việc chị H xin ly hôn anh C, bà đã thông báo, trao đổi để anh C biết nội dung các văn bản đó, quan điểm của anh C cũng nhất trí ly hôn và nhất trí để chị H nuôi dưỡng con chung, anh C không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Do công việc, anh C không thể về Tòa án để trình bày quan điểm được, anh C đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương theo yêu cầu của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự; chị H chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh C vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Cường A, sinh ngày 16/12/2012 cho chị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành, 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị H, bà P đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 18/11/2011, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm; anh C có biểu hiện tụ tập chơi bời, thiếu trách nhiệm với gia đình, thiếu sự quan tâm chia sẻ với chị H, thậm chí còn chửi, đánh chị H. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị H bỏ về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013, từ đó đến nay hai bên không tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh, chị chung sống. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài; đời sống

chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh C, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H, anh C có một con chung là Nguyễn Cường A, sinh ngày 16/12/2012, hiện đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị H xác định cháu Cường Anh được chị chăm sóc chu đáo, khỏe mạnh, ngoan ngoãn, học giỏi. Chị buôn bán tự do thu nhập ổn định và có sự hỗ trợ của bố mẹ chị trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp điều kiện thực tế của mỗi bên, cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị H, anh C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2- Về con chung: Giao cho Vũ Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Cường A, sinh ngày 16/12/2012 (hiện đang ở cùng chị H) đến khi con chung trưởng thành, 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung

3- Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002324 ngày 04/4/2023.

4- Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quyên